TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28 /7/2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Bà Phạm Thị Phượng;

2/- Ông Cao Châu Tiếp.

- Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Minh Cảnh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.*

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy tham gia phiên tòa:*Bà Nguyễn Thị Liễu – Kiểm sát viên.*

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 27/20120TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1/- Nguyên đơn: Chị Lý Hồng B, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Ấp L, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số 150, ấp M, xã B, huyện C, Tiền Giang.

2/- Bị đơn: Anh Võ Văn Đ, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp L, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Chị B có mặt, anh Đ vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Lý Hồng B trình bày: Chị và anh Võ Văn Đ là vợ chồng theo giấy chứng nhận kết hôn số 37 do Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phước Tây cấp ngày 08/5/2017. Từ năm 2018 đến nay vợ chồng không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng có nhiều xung đột, thường xuyên tranh cải, anh Đ không có trách nhiệm với gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị và anh Đ ly thân nhau từ tháng 06/2019.

Do mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không hòa giải hàn gắn được nên chị B yêu cầu Tòa án giải quyết chấp nhận cho chị được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Giữa chị và anh Đ có 01 con chung tên Võ Ngọc H, sinh ngày 15/11/2018, chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con.

- Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Võ Văn Đ trình bày tại bản khai và phiên hòa giải xác định: Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2018 thì chị B bỏ nhà đi không rỏ đi đâu, anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị B vì vợ chồng không có mâu thuẫn gì.

Con chung: Anh Đ yêu cầu nuôi, không yêu cầu chị B cấp dưỡng cho con.

Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

*Tại phiên phiên tòa:

- Nguyên đơn, chị Lý Hồng B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn, anh Võ Văn Đ vắng mặt không lý do.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa xác định: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự chưa phát hiện vi phạm nên không kiến nghị gì. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Võ Văn Đ là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Đ.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Giữa chị Lý Hồng B và anh Võ Văn Đ chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa, chị B xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh Đ trầm trọng không hòa giải hàn gắn được, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt do anh Đ không quan tâm cuộc sống gia đình,

Anh Võ Văn Đ không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị B nhưng anh không tham gia phiên tòa để trình bày phương án hàn gắn tình cảm vợ chồng nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định anh Đ không còn quan tâm đến tình trạng hôn nhân với chị B.

Thấy rằng: tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh Đ là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị B được ly hôn với anh Đ là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình.

[3]. Về con chung:

Cháu Võ Ngọc Hân hiện đang do anh Đ nuôi dưỡng.

Chị B yêu cầu nuôi 01 con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con.

Thấy rằng: Bản thân chị B khi rời xa anh Đ đã đem con chung theo nuôi dưỡng, việc chị không trực tiếp nuôi con chung là do anh Đ và gia đình anh Đ gây áp lực, chị B có việc làm ổn định, đủ điều kiện nuôi con, cháu Ngọc Hân còn dưới 36 tháng tuổi nên giao cho mẹ nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị B.

Nghĩa vụ cấp dưỡng: tại phiên tòa chị B không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung: chị B không yêu cầu giải quyết.

[5]. Về án phí:

Chị B phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào:**

- Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử:**

1. Chấp nhận cho chị Lý Hồng B được ly hôn với anh Võ Văn Đ.

2. Con chung: Buộc anh Võ Văn Đ giao 01 con chung tên Võ Ngọc H, sinh ngày 15/11/2018 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị B không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo B lai thu số 0425 ngày 06/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy nên chị B không phải nộp tiếp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh Tiền Giang;
-VKSND TX Cai Lậy;
- Chi cục THADS TX Cai Lậy;
- Các đương sự: B, Đ;
- UBND xã Mỹ Phước Tây;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Hồ Thị Ánh Tuyết